

BÀI 6: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ PHÁP LUẬT

1. Nguồn gốc của pháp luật

-Theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác-LêNin: pháp luật là hiện tượng thuộc kiến trúc thượng tầng của xã hội có giai cấp, pháp luật chỉ phát sinh, tồn tại và phát triển khi xã hội đạt đến một trình độ phát triển nhất định.

-Trong xã hội cộng sản nguyên thủy chưa có sự phân chia giai cấp nên chưa có pháp luật. Các quy phạm tồn tại trong xã hội nguyên thủy như quy phạm đạo đức, quy phạm tôn giáo điều chỉnh các quan hệ xã hội giữa các thành viên vốn bình đẳng với nhau và được mọi người tự nguyện thực hiện.

-Về phương diện khách quan: những nguyên nhân làm xuất hiện Nhà nước cũng chính là những nguyên nhân làm xuất hiện pháp luật.

-Về phương diện chủ quan: pháp luật chỉ có thể hình thành bằng con đường Nhà nước theo 2 cách: do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận các quy phạm xã hội.

2. Bản chất và các mối liên hệ của pháp luật

2.1. Khái niệm bản chất của pháp luật

-Tính giai cấp:

+ Tính giai cấp là sự tác động của yếu tố giai cấp đến pháp luật mà sự tác động này quyết định xu hướng phát triển, những đặc điểm cơ bản của pháp luật.

+ Pháp luật có tính giai cấp bởi giai cấp là một trong những nguyên nhân ra đời của pháp luật và pháp luật là một trong những công cụ hữu hiệu nhất trong việc trấn áp đấu tranh giai cấp, bảo vệ lợi ích giai cấp.

+ Tính giai cấp thể hiện chủ yếu trong nội dung và mục đích của sự điều chỉnh của pháp luật. Theo đó, pháp luật bảo vệ lợi ích trước hết của giai cấp thống trị.

-Tính xã hội của pháp luật:

+ Tính xã hội là sự tác động của các yếu tố xã hội (được hiểu là sự đối lập với yếu tố giai cấp) đến xu hướng phát triển và những đặc điểm cơ bản của pháp luật.

+ Pháp luật có tính xã hội bởi nhu cầu quản lý xã hội, trật tự chung của xã hội là một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến sự ra đời của pháp luật. Pháp luật cũng là phương tiện mô hình hoá cách thức xử sự của các thành viên trong xã hội.

+ Tính xã hội của pháp luật thể hiện trong mục đích của sự điều chỉnh của pháp luật. Pháp luật phản ánh ý chí chung, lợi ích chung của xã hội.

Định nghĩa: pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự do nhà nước ban hành hoặc thừa nhận và bảo đảm thực hiện, thể hiện ý chí của giai cấp thống trị trong xã hội, là nhân tố điều chỉnh các quan hệ xã hội.

2.1. Các mối liên hệ của pháp luật với các hiện tượng xã hội khác

2.1.1. Mối quan hệ pháp luật với kinh tế

Đây là mối liên hệ giữa một yếu tố thuộc kiến trúc thượng tầng và một yếu tố thuộc cơ sở hạ tầng, quan hệ có tính độc lập tương đối. Cụ thể:

-Pháp luật phụ thuộc vào kinh tế: các điều kiện, quan hệ kinh tế không chỉ là nguyên nhân trực tiếp quyết định sự ra đời của pháp luật, mà còn quyết định toàn bộ nội dung, hình thức, cơ cấu và sự phát triển của pháp luật. Cụ thể:

- + Cơ cấu kinh tế, hệ thống kinh tế quyết định cơ cấu hệ thống pháp luật;
- + Tính chất, nội dung của các quan hệ kinh tế, cơ chế quản lý kinh tế quyết định tính chất nội dung của các quan hệ pháp luật, phạm vi điều chỉnh của pháp luật.
- + Chế độ kinh tế quyết định việc tổ chức bộ máy và phương thức hoạt động của các thiết chế chính trị pháp lý.

-Sự tác động trở lại của pháp luật đối với kinh tế: theo 2 hướng

- + Tác động tích cực: ổn định trật tự xã hội, thúc đẩy kinh tế phát triển khi pháp luật phản ánh đúng trình độ phát triển kinh tế-xã hội.

- + Tác động tiêu cực: cản trở, kìm hãm sự phát triển kinh tế-xã hội khi pháp luật phản ánh không đúng trình độ phát triển kinh tế-xã hội.

2.1.2. Mối quan hệ pháp luật với chính trị

Đây là mối liên hệ giữa 2 yếu tố thuộc kiến trúc thượng, chúng có mối liên hệ tác động qua lại. Cụ thể:

- Sự tác động của pháp luật đối với chính trị:
- + Pháp luật là hình thức, thể hiện ý chí của giai cấp thống trị;
- + Pháp luật là công cụ để chuyển hoá ý chí của giai cấp thống trị;
- + Biện ý chí của giai cấp thống trị trở thành quy tắc xử sự chung, có tính bắt buộc đối với mọi người.

-Sự tác động của chính trị đối với pháp luật: nền chính trị của giai cấp cầm quyền quy định bản chất, nội dung của pháp luật.

2.1.3. Mối quan hệ pháp luật với Nhà nước

Đây là mối quan hệ giữa 2 yếu tố thuộc thượng tầng kiến trúc, chúng có mối liên hệ tác động qua lại. Cụ thể:

- Sự tác động của Nhà nước đối với pháp luật: Nhà nước ban hành và bảo đảm cho pháp luật được thực hiện trong cuộc sống.

- Sự tác động của pháp luật đối với Nhà nước: quyền lực Nhà nước chỉ có thể được triển khai và có hiệu lực trên cơ sở pháp luật. Đồng thời, Nhà nước cũng phải tôn trọng pháp luật.

2.1.4 Mối quan hệ pháp luật với các quy phạm xã hội khác

Pháp luật có mối liên hệ chặt chẽ với các quy phạm xã hội khác (quy phạm đạo đức, quy phạm tôn giáo, quy phạm tập quán, quy phạm chính trị...), cụ thể:

- Pháp luật thể chế hoá nhiều quy phạm đạo đức, tập quán, chính trị,... thành quy phạm pháp luật;

- Phạm vi điều chỉnh của pháp luật với các loại quy phạm xã hội khác có thể trùng hợp với nhau, mục đích điều chỉnh là thống nhất với nhau;

- Các loại quy phạm xã hội khác đóng vai trò hỗ trợ để pháp luật phát huy hiệu lực, hiệu quả trong việc điều chỉnh các quan hệ xã hội.

3. Thuộc tính của pháp luật

Thuộc tính của pháp luật là những tính chất, dấu hiệu đặc trưng riêng có của pháp luật. Pháp luật có những thuộc tính sau:

3.1. Tính quy phạm phổ biến (tính bắt buộc chung)

- Pháp luật có tính quy phạm là sự bắt buộc phải thực hiện theo những chuẩn mực nhất định.

- Tính phổ biến là sự bắt buộc chung và không phân biệt với tất cả các chủ thể.

- Pháp luật có tính quy phạm phổ biến bởi xuất phát từ một trong những nguyên nhân ra đời của pháp luật và bản chất của pháp luật là sự thể hiện ý chí chung của xã hội. Về mặt khách quan, pháp luật là sự phản ánh những quy luật khách quan, phổ biến nhất của xã hội.

3.2. Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức

- Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức là sự biểu hiện một cách thống nhất giữa nội dung và hình thức biểu hiện của pháp luật.

- Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức thể hiện là:

- + Nội dung của pháp luật phải được thể hiện trong những hình thức xác định, như: tập quán pháp, tiền lệ pháp hay văn bản pháp luật.
- + Pháp luật cũng cần phải được thể hiện bằng ngôn ngữ pháp lý - cần rõ ràng, chính xác và một nghĩa, có khả năng áp dụng trực tiếp.
- + Tính xác định chặt chẽ về hình thức của pháp luật còn thể hiện ở phương thức hình thành pháp luật.
- + Văn bản quy phạm pháp luật cũng được xác định chặt chẽ về thủ tục, thẩm quyền ban hành.

-Pháp luật có tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức xuất phát từ nguyên nhân và bản chất của pháp luật là ý chí chung của xã hội nên xuất hiện nhu cầu ngăn chặn sự lạm dụng của các chủ thể khi thực hiện pháp luật và để các chủ thể thực hiện đúng pháp luật.

3.3. Tính được đảm bảo bằng nhà nước

-Tính đảm bảo bởi nhà nước là việc nhà nước sử dụng các phương tiện, biện pháp để thực hiện pháp luật trên thực tế.

-Tính đảm bảo bằng nhà nước thể hiện là khả năng tổ chức thực hiện pháp luật của Nhà nước, bằng những biện pháp: Đảm bảo về kinh tế; Đảm bảo về tư tưởng; Đảm bảo về phương diện tổ chức; Đảm bảo bằng biện pháp cưỡng chế Nhà nước – đây là đảm bảo đặc trưng để có thể phân biệt pháp luật với quy phạm xã hội khác.

-Pháp luật có thuộc tính này xuất phát từ mối quan hệ giữa pháp luật và nhà nước là những công cụ, phương tiện quan trọng để quản lý xã hội và xung xuất phát từ nguyên nhân ra đời và bản chất của pháp luật là ý chí chung của xã hội cần phải được đảm bảo thực hiện.

4. Chức năng của pháp luật

4.1. Khái niệm

Chức năng của pháp luật là những phương diện, mặt tác động chủ yếu của pháp luật, thể hiện bản chất và giá trị xã hội của pháp luật.

4.2. Các chức năng chủ yếu

- Chức năng điều chỉnh các quan hệ xã hội của pháp luật: thể hiện 2 mặt
 - + Pháp luật ghi nhận các quan hệ chủ yếu trong xã hội;
 - + Pháp luật bảo đảm cho sự phát triển của các quan hệ xã hội.
- Chức năng giáo dục của pháp luật: Thể hiện pháp luật tác động vào ý thức và tâm lý của con người, từ đó con người lựa chọn cách xử sự phù hợp với quy định của pháp luật.

-Chức năng bảo vệ của pháp luật: Bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của xã hội và các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân trước các vi phạm.

5. Hình thức của pháp luật

Khái niệm: là cách thức mà giai cấp thống trị sử dụng để thể hiện ý chí của giai cấp mình và xã hội, là phương thức tồn tại, dạng tồn tại thực tế của pháp luật.

Các hình thức pháp luật cơ bản: có 3 hình thức pháp luật

5.1. Tập quán pháp

Khái niệm: là hình thức Nhà nước thừa nhận một số tập quán đã lưu truyền trong xã hội, phù hợp với lợi ích của giai cấp thống trị và nâng chúng lên thành pháp luật.

5.2. Tiền lệ pháp

Khái niệm: là hình thức Nhà nước thừa nhận các quyết định của cơ quan hành chính hoặc xét xử đã có hiệu lực pháp luật khi giải quyết các vụ việc cụ thể (trong trường hợp pháp luật không quy định hoặc quy định không rõ) và lấy đó làm căn cứ pháp lý để áp dụng các vụ việc xảy ra tương tự sau này. Đây là hình thức phổ biến của pháp luật chủ nô, pháp luật phong kiến và pháp luật tư sản (các nước trong hệ thống pháp luật Anh-Mỹ). Tiền lệ pháp bao gồm tiền lệ hành chính và án lệ.

5.3. Văn bản quy phạm pháp luật

Văn bản quy phạm pháp luật là văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo thủ tục trình tự luật định, trong đó có quy tắc xử sự chung, được nhà nước bảo đảm thực hiện nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội để thực hiện các nhiệm vụ, chức năng của nhà nước.